

Số: 292 /SNV-CCHC

Quảng Bình, ngày 25 tháng 3 năm 2014

V/v Hướng dẫn tự đánh giá, chấm
điểm để xác định Chỉ số CCHC
các huyện, thành phố, thị xã

Kính gửi: Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã

Thực hiện Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình", Sở Nội vụ hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) tại UBND các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) hàng năm như sau:

1. Tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần

Để triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC hàng năm, trách nhiệm của UBND cấp huyện là tiến hành tự đánh giá, chấm điểm kết quả CCHC của năm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số CCHC (*Phụ lục 2 kèm theo Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh*), không tự đánh giá, chấm điểm đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định đánh giá qua điều tra xã hội học. Thời gian đánh giá sẽ là đầu Quý I năm sau liền kề năm đánh giá. Việc tự đánh giá, chấm điểm của UBND cấp huyện bắt buộc phải có các tài liệu kiểm chứng kèm theo để xác định mức độ tin cậy của việc đánh giá, chấm điểm.

Sở Nội vụ hướng dẫn thống nhất đánh giá, chấm điểm một số tiêu chí (viết tắt là TC), tiêu chí thành phần (viết tắt là TCTP) cấp huyện như sau:

- TCTP 1.1.1: Nếu thời điểm ban hành kế hoạch trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1,5 (*Riêng năm 2013, UBND cấp huyện ban hành kế hoạch CCHC năm trong tháng 02/2013 thì được tính điểm*). Không ban hành hoặc ban hành không đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.1.2: Kế hoạch CCHC của UBND cấp huyện được xác định đầy đủ các nhiệm vụ theo Công văn số 137/SNV-CCHC ngày 28/01/2013 của Sở Nội vụ về hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo CCHC hàng năm thì điểm đánh giá bằng 0,5. Nếu kế hoạch CCHC năm không được xác định đầy đủ các nhiệm vụ quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.1.3: Có bố trí kinh phí riêng triển khai các nhiệm vụ CCHC cấp huyện thì điểm đánh giá bằng 0,5; không bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ CCHC cấp huyện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.1.4: Kết quả phải đạt (sản phẩm đầu ra) được xác định rõ, cụ thể về số lượng, gắn với trách nhiệm triển khai nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức có liên quan và có quy định rõ thời gian hoàn thành thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không đạt được một trong số các yêu cầu này thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.1.5: Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch, UBND cấp huyện xem xét kết quả, sản phẩm đã được hoàn thành để tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm hoàn thành so với kế hoạch). Nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.2.1: UBND cấp huyện phải định kỳ báo cáo công tác CCHC (có 04 báo cáo: 02 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm theo Công văn số 137/SNV-CCHC ngày 28/01/2013 của Sở Nội vụ). Đủ số lượng báo cáo và đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá bằng 3; nếu thiếu báo cáo quý hoặc chậm thời gian quy định thì trừ 0,5 điểm/1 báo cáo, thiếu báo cáo 6 tháng hoặc báo cáo năm hoặc chậm thời gian quy định thì trừ 1 điểm/1 báo cáo.

- TCTP 1.2.2: Các báo cáo có đầy đủ nội dung theo quy định tại Công văn số 137/SNV-CCHC ngày 28/01/2013 của Sở Nội vụ thì điểm đánh giá bằng 1. Không đầy đủ nội dung theo quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.3.1: Kế hoạch kiểm tra CCHC có thể ban hành riêng hoặc chung trong kế hoạch CCHC hàng năm của UBND cấp huyện. Tính tỷ lệ % số cơ quan chuyên môn cấp huyện và UBND cấp xã trong kế hoạch kiểm tra so với tổng số cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã. Nếu có kế hoạch kiểm tra trên 30% tổng số cơ quan, UBND cấp xã thì điểm đánh giá bằng 1; có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, UBND cấp xã thì điểm đánh giá bằng 0,5; có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, UBND cấp xã hoặc không có kế hoạch kiểm tra thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.3.2: Xác định số cơ quan, UBND cấp xã đã được kiểm tra trên thực tế so với số cơ quan, UBND cấp xã trong kế hoạch kiểm tra để tính tỷ lệ %. Nếu kiểm tra trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.3.3: Qua kiểm tra công tác CCHC, thống kê trong báo cáo của đoàn kiểm tra số lượng vấn đề phát hiện cần xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu đạt từ 70% - 80% thì điểm đánh giá bằng 0,3; đạt từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá bằng 0,2; dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.4.1: Nếu có kế hoạch tuyên truyền riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm hoặc phối hợp với Sở Nội vụ trong công tác tuyên truyền thì điểm đánh giá bằng 0,5; không có thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.4.2: Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC được tính theo %, nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,5; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,3; Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,2; Thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.5.1: Có gắn kết quả thực hiện CCHC với việc xét thi đua, khen thưởng của các tập thể, cá nhân thuộc UBND cấp huyện hàng năm (phải có văn bản cụ thể như: Quy chế, quy định,...) thì điểm đánh giá bằng 1; không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.5.2: Có sáng kiến trong CCHC của các tập thể, cá nhân thuộc UBND cấp huyện (là những giải pháp, cách làm mới có hiệu quả trong triển khai các nhiệm vụ CCHC) thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không có sáng kiến thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.7.1: Có bố trí, sử dụng hòm thư góp ý tại UBND cấp huyện và ban hành quy chế xử lý các đơn thư phản ánh, kiến nghị của các nhân, tổ chức về quy định hành chính thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không có hòm thư góp ý và không ban hành quy chế xử lý thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.7.2: Thực hiện mở hòm thư góp ý và xử lý các đơn thư phản ánh, kiến nghị tại UBND cấp huyện đúng quy chế thì điểm đánh giá bằng 1; nếu thực hiện mở hòm thư và xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị không đúng quy chế thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.8.1: Có bố trí, sử dụng đường dây nóng tại UBND cấp huyện và ban hành quy chế sử dụng đường dây nóng thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không có bố trí, sử dụng đường dây nóng và không ban hành quy chế sử dụng đường dây nóng thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.8.2: Thực hiện giải quyết các phản ánh, kiến nghị của các nhân, tổ chức qua đường dây nóng đúng quy chế thì điểm đánh giá bằng 1; nếu

thực hiện giải quyết các phản ánh, kiến nghị của các nhân, tổ chức qua đường dây nóng không đúng quy chế thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.1.1: Trên cơ sở kế hoạch, chương trình xây dựng văn bản QPPL hàng năm của UBND cấp huyện, từ đó xác định số văn bản QPPL do UBND cấp huyện ban hành trong năm so với kế hoạch; nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; trong năm không ban hành văn bản QPPL hoặc thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.1.2: Đối chiếu việc thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL của UBND cấp huyện với các quy định tại Luật ban hành văn bản QPPL của HĐND và UBND và các quy định khác có liên quan. Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có văn bản QPPL xây dựng không đúng quy trình thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.2.1: UBND cấp huyện ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đã ban hành (Có kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch chung của UBND cấp huyện). Nếu có ban hành kế hoạch năm trong Quý I thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có ban hành nhưng chậm sau Quý I hoặc không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.2.2: Mức độ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi UBND cấp huyện ban hành được tính theo tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch ban hành. Nếu hoàn thành kế hoạch năm thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không hoàn thành kế hoạch năm thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.2.3: Thông qua rà soát phát hiện những văn bản QPPL còn hiệu lực, văn bản hết hiệu lực, văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ..., từ đó xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử lý theo Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Nếu tất cả các vấn đề phát hiện qua rà soát đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 1; không xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.3.1: Thống kê đầy đủ số văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành trong năm. Đánh giá tỷ lệ % số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định (thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quy định trong văn bản, thời điểm triển khai đúng theo quy định hiệu lực của văn bản, thực hiện đúng thẩm quyền, trách nhiệm của cấp huyện,...) so với tổng số văn bản QPPL được ban hành trong năm; từ đó đối chiếu với thang điểm để chấm điểm. Nếu tỷ lệ trên 80% văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy

định thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70%-80% thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.3.2: Nếu thời điểm ban hành kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL tại UBND cấp huyện trong Quý I của năm đánh giá thì điểm đánh giá bằng 1; ban hành kế hoạch sau Quý I thì điểm đánh giá bằng 0,5; không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.3.3: Mức độ thực hiện kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL tại UBND cấp huyện được tính theo tỷ lệ %, nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; Thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.3.4: Qua tự kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL tại UBND cấp huyện, qua báo cáo của đoàn kiểm tra thống kê số lượng vấn đề phát hiện cần xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá bằng 1; nếu đạt từ 70% - 80% thì điểm đánh giá bằng 0,7; đạt từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% hoặc không xử lý hoặc không kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 2.4: Có kế hoạch (kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC chung của UBND cấp huyện) về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi cấp huyện thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không có kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.1.1: Nếu thời điểm ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) của UBND cấp huyện trong tháng 1 năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; nếu thời điểm ban hành sau tháng 1 hoặc không ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC của UBND cấp huyện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.1.2: Mức độ thực hiện kiểm soát TTHC được tính theo tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch ban hành. Nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.1.3: Kịp thời phát hiện các quy định các quy định về TTHC chưa được công bố, ban hành hoặc có sự khác biệt giữa nội dung công bố TTHC với văn bản QPPL đề xuất cấp có thẩm quyền công bố, sửa đổi, bổ sung. Nếu có phát hiện, kiến nghị kịp thời thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có phát hiện nhưng không kiến nghị hoặc kiến nghị không kịp thời thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.2.1: Xác định tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện để công khai đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp huyện. Nếu đạt 100% TTHC công khai thì điểm đánh giá bằng 2; từ 80% - dưới 100% TTHC công khai thì điểm đánh giá bằng 1,5; từ 50% - dưới 80% TTHC công khai thì điểm đánh giá bằng 1; dưới 50% số TTHC công khai thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.2.2:

+ a) Xác định tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (bao gồm cả cấp xã) để công khai đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện. Nếu có trên 80% số TTHC được công khai thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70 - 80% số TTHC được công khai thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50% - dưới 70% số TTHC được công khai thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% số TTHC được công khai thì điểm đánh giá bằng 0.

+ b) Rà soát, đánh giá các quy định về TTHC trong các văn bản QPPL đã ban hành để kịp thời phát hiện, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định còn bất cập, vướng mắc. Nếu thực hiện tốt, chất lượng tốt thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu có thực hiện nhưng kết quả chưa tốt thì điểm đánh giá bằng 0,25; nếu không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

+ c) Niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định về TTHC theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC. Nếu thực hiện đúng quy định, kết quả tốt thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu có thực hiện nhưng kết quả chưa tốt thì điểm đánh giá bằng 0,25; nếu không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 4.1: Nếu tất cả các phòng, ban, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện (bao gồm cả cấp xã) được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Chính phủ, Bộ, ngành có liên quan về tổ chức bộ máy thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có một hoặc một số phòng, ban, đơn vị được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức không theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ, ngành có liên quan thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 4.3.1: Hàng năm UBND cấp huyện phải xây dựng kế hoạch (có kế hoạch riêng hoặc có trong kế hoạch CCHC chung của UBND cấp huyện) kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc. Nếu có kế hoạch kiểm tra đối với trên 30% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc thì điểm đánh giá bằng 1; có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số phòng, ban, đơn

vị trực thuộc thì điểm đánh giá là 0,5; có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc hoặc không có kế hoạch kiểm tra thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 4.3.2: Xác định số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã được kiểm tra so với số phòng, ban, đơn vị trực thuộc trong kế hoạch kiểm tra để tính tỷ lệ %. Nếu đạt tỷ lệ trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; đạt từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; đạt từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 4.3.3: Qua kiểm tra, thống kê số lượng các vấn đề không đúng quy định về tổ chức bộ máy cần phải xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra không được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 0,5; các vấn đề phát hiện qua kiểm tra hoàn toàn không được xử lý hoặc không kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 4.4.1: Thống kê các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền ban hành để đánh giá việc thực hiện. Nếu tất cả quy định được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 4.4.2: Hằng năm có kế hoạch kiểm tra (hoặc nằm trong kế hoạch chung của UBND cấp huyện) việc thực hiện các nhiệm vụ đã được phân cấp cho các đơn vị trực thuộc. Nếu có thực hiện kiểm tra thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không thực hiện kiểm tra thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 4.4.3: Qua kiểm tra, thống kê số vấn đề tồn tại, vướng mắc trong thực hiện phân cấp cần phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. Nếu tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 1; nếu các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc xử lý từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá bằng 0,7; các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý từ 50% - dưới 80% thì điểm đánh giá bằng 0,4; không xử lý hoặc kiến nghị xử lý dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.1.1: Thống kê tổng số phòng và tương đương phòng đã được phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm so với tổng số phòng và tương đương phòng trực thuộc UBND cấp huyện để tính tỷ lệ %. Nếu đạt tỷ lệ trên 70% số phòng và tương đương phòng đã được phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm thì điểm đánh giá bằng 1; từ 50% - 70% số phòng và tương đương phòng đã được phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 30% - dưới 50% số phòng và tương đương phòng đã

được phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 30% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.1.2: Thống kê tổng số đơn vị sự nghiệp công lập đã được phê duyệt cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm so với tổng số đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện để tính tỷ lệ %. Nếu đạt tỷ lệ trên 70% số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đã được phê duyệt cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm thì điểm đánh giá bằng 1; nếu đạt tỷ lệ từ 50% - 70% số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đã được phê duyệt cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm thì điểm đánh giá bằng 0,7; đạt tỷ lệ từ 30% - dưới 50% số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đã được phê duyệt cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 30% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.1.2: Thống kê tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm đúng quy định so với tổng số cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện để tính tỷ lệ %. Nếu có trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng thì điểm đánh giá bằng 0,7; nếu có từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng thì điểm đánh giá bằng 0,4; nếu dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.2.1: Công chức được tuyển dụng và công chức hiện có được bố trí đúng quy định của vị trí việc làm được phê duyệt và đúng ngạch công chức thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có công chức bố trí không đúng quy định của vị trí việc làm hoặc không đúng ngạch công chức thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.2.2: UBND cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng, bố trí viên chức theo đúng quy định vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc thì điểm đánh giá bằng 1; nếu thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.2.3: Thống kê tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện bố trí viên chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp so với tổng số đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện để tính tỷ lệ %. Nếu có trên 80% đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có từ 70% - 80% đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0,7; nếu có từ 50% - dưới 70% đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% đơn vị thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.3.1: Hàng năm UBND cấp huyện phải xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND cấp huyện. Nếu thời điểm ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trong tháng 1

của năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1. Thời điểm ban hành muộn hơn hoặc không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.3.2: Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của UBND cấp huyện được tính theo tỷ lệ %. Nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.4.1: UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định về đánh giá công chức trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ được giao hàng năm thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.4.2: Trong năm đánh giá có tổ chức thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không tổ chức thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.4.3: Có xây dựng kế hoạch hoặc đăng ký kế hoạch với cấp có thẩm quyền để thu hút nhân tài thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không có kế hoạch hoặc không đăng ký thu hút nhân tài thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.6.1: Thống kê số công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định so với tổng số công chức cấp xã thuộc UBND cấp huyện và tính tỷ lệ %. Nếu trên 90% số công chức cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70% - 90% công chức cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50% - dưới 70% công chức cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% số công chức cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.6.2: Thống kê số cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định so với tổng số cán bộ cấp xã thuộc UBND cấp huyện và tính tỷ lệ %. Nếu tỷ lệ trên 90% cán bộ cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70% - 90% cán bộ cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50% - dưới 70% cán bộ cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% cán bộ cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.6.3: Thống kê tổng số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm so với tổng số cán bộ, công chức cấp xã thuộc UBND cấp huyện và tính tỷ lệ %. Nếu đạt tỷ lệ 70% số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng thì điểm đánh giá bằng 1; từ 50% - 70% số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng thì điểm đánh giá bằng 0,5; dưới 50% số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 6.1.1: Thống kê số lượng cơ quan, đơn vị (kể cả cấp xã) trực thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách

nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2006 của Chính phủ. Nếu có 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tiết kiệm quản lý chi tiêu, có tăng thu nhập cho cán bộ, công chức thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có cơ quan đơn vị không thực hiện đúng quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tiết kiệm quản lý chi tiêu, không có tăng thu nhập cho cán bộ, công chức thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 6.2.1: Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính, trong đó tiết kiệm quản lý chi tiêu, có tăng thu nhập cho công chức, viên chức. Nếu có trên 80% đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định, tiết kiệm quản lý chi tiêu, có tăng thu nhập cho công chức, viên chức thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có từ 70% - 80% đơn vị trực thuộc thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0,7; nếu có từ 50% - dưới 70% đơn vị trực thuộc thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% đơn vị trực thuộc thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 7.1.1: Tự đối chiếu với các quy định hiện hành, UBND cấp huyện tự đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin. Nếu kết quả được đánh giá đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1; nếu kết quả được đánh giá không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 7.1.2: Thống kê số phòng, ban cấp huyện có sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc, văn bản điện tử so với tổng số phòng, ban cấp huyện và tính tỷ lệ %. Nếu đạt tỷ lệ 80% số phòng, ban có sử dụng mạng LAN thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70% - 80% số phòng, ban có sử dụng mạng LAN thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50% - dưới 70% số phòng, ban có sử dụng mạng LAN thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% số phòng, ban có sử dụng mạng LAN thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 7.1.4: Căn cứ TTHC, dịch vụ công của cơ quan, đơn vị mình được cung cấp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc Trang thông tin điện tử để tự chấm điểm. Nếu tất cả dịch vụ công đều được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2 thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 thì được cộng thêm 0,5; nếu có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 thì được cộng thêm 0,5.

Ví dụ: Huyện A có 100 dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2; có 10 dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3; có 5 dịch vụ

công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4. Như vậy, điểm đánh giá của huyện A là: $1+0,5+0,5=2$ điểm.

- TCTP 7.1.5: Có triển khai thực hiện, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành theo Công văn 2061/UBND-VX ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh về triển khai, nhân rộng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tỉnh Quảng Bình thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không thực hiện, ứng dụng thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 7.3: Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO theo đúng quy định tại Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg ngày 20/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước; Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg; Quyết định 3307/QĐ-UBND ngày 17/11/2009 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 của UBND tỉnh. Nếu thực hiện đúng quy định, đầy đủ (duy trì, cải tiến, hàng năm có đánh giá đọc lập,...) thì điểm đánh giá bằng 2; nếu thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa thực hiện hoặc không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.1.1: Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 28/9/2007 của UBND tỉnh. Nếu UBND cấp huyện thực hiện một cửa liên thông hiện đại đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1; nếu thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.1.2: UBND cấp huyện có áp dụng cơ chế một cửa liên thông hiện đại trong giải quyết công việc thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không áp dụng cơ chế một cửa liên thông hiện đại trong giải quyết công việc thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.1.3: Thống kê UBND cấp xã triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại so với tổng số xã trong huyện, thành phố, thị xã để tính tỷ lệ %. Nếu có trên 80% UBND cấp xã triển khai thực hiện thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có từ 70% - 80% UBND cấp xã triển khai thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0,7; nếu có từ 50% - dưới 70% UBND cấp xã triển khai thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0,4; có dưới 50% UBND cấp xã triển khai thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.2.1: Thống kê tổng số các TTHC đã được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại so với tổng số các TTHC phải giải quyết ở UBND cấp huyện để tính tỷ lệ %. Nếu tỷ lệ đạt trên 80% thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70 - 80% thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50 - dưới 70% thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.2.2: Có áp dụng liên thông trong giải quyết TTHC tại UBND cấp huyện (Thủ tục liên thông? Liên thông với cơ quan, đơn vị?... phải giải thích cụ thể) thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không áp dụng liên thông trong giải quyết TTHC tại UBND cấp huyện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.3.1: Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông UBND cấp huyện theo đúng quy định tại Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông UBND cấp huyện nhưng chưa đầy đủ hoặc không bố trí hoặc bố trí không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.3.2: Rà soát, đánh giá cơ sở vật chất được bố trí tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông cấp xã theo quy định tại Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Từ đó thống kê số xã, phường, thị trấn có cơ sở vật chất tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông đúng quy định so với tổng số xã, phường, thị trấn trong toàn huyện, thành phố, thị xã để tính tỷ lệ %. Nếu có trên 80% xã, phường, thị trấn có cơ sở vật chất tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 2; nếu có từ 50% - 80% xã, phường, thị trấn có cơ sở vật chất tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1; dưới 50% đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

2. Xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của cấp huyện

- Sau khi tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số CCHC, UBND cấp huyện xây dựng báo cáo (*theo mẫu Báo cáo đính kèm*) gửi về Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Các tài liệu kiểm chứng (bản phô-tô hoặc bản chính) phải được gửi kèm theo Báo cáo để phục vụ cho công tác thẩm định, gồm có: Các kế hoạch, báo cáo, quyết định, các số liệu thống kê trên các lĩnh vực CCHC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận để phục vụ cho việc tính điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng thì phải diễn giải đầy đủ, cụ thể cách đánh giá, tính điểm.

Nếu các đơn vị không gửi kèm tài liệu kiểm chứng hoặc không giải trình cụ thể việc tự đánh giá chấm điểm thì Sở Nội vụ đề xuất Hội đồng thẩm định của tỉnh sẽ trừ điểm đó và không có thông báo thêm.

- Thời gian gửi báo cáo tự đánh giá, chấm điểm trước ngày **30/01** hàng năm (Riêng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm năm 2013 UBND cấp huyện hoàn thành và gửi trước ngày **30/5/2014**). Khi gửi Báo cáo đồng thời gửi kèm file báo cáo trên word theo địa chỉ e-mail: nhung84suv@gmail.com.

3. Điều tra, khảo sát công tác CCHC của cấp huyện

- Tổng số câu hỏi điều tra, khảo sát là: 25 câu, chia thành 5 nhóm đối tượng điều tra, khảo sát, cụ thể:

+ Khảo sát đại biểu HĐND; lãnh đạo UBND cấp huyện (theo mẫu phiếu CH-01) với 15 câu;

+ Khảo sát lãnh đạo Phòng, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện (theo mẫu phiếu CH-02) với 16 câu;

+ Khảo sát lãnh đạo UBND cấp xã (theo mẫu phiếu CH-03) với 15 câu;

+ Khảo sát các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn có giao dịch liên quan (theo mẫu phiếu CH-04) với 10 câu;

+ Khảo sát người dân trên địa bàn có giao dịch liên quan (theo mẫu phiếu CH-05) với 07 câu.

(Đính kèm các mẫu khảo sát)

- In ấn, phân bổ số lượng, tổng hợp kết quả phiếu điều tra, khảo sát công tác CCHC của UBND cấp huyện do Sở Nội vụ chủ trì thực hiện;

- Phát phiếu, thu phiếu điều tra khảo sát do UBND cấp huyện thực hiện.

- Kinh phí chi trả điều tra, khảo sát theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Sở Tài chính.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về công tác tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC hàng năm của UBND cấp huyện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ (Phòng Cải cách hành chính, ĐT: 0523.384480) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, các Phó GD Sở;
- Lưu: VT, CCHC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Đã ký)
Hoàng Văn Cường